



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO



BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ

số tháng 11/2023



MỤC LỤC

PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI	1
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 10/2023	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	2
2. Dự báo tăng trưởng	5
PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM	7
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 10/2023	7
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	7
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	7
1.1.2. Xuất nhập khẩu	8
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	9
1.1.4. Hoạt động đầu tư	9
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng	11
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	11
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng	11
1.2.2. Lãi suất	11
1.2.3. Tỷ giá	12
1.2.4. Giá vàng	12
1.2.5. Chứng khoán	13
1.2.5. Lạm phát	14
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	15
2.1. Về chủ trương, chính sách	15
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	15
PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO	18
1. Thị trường dầu thô	18
2. Thị trường khí	21
3. Thị trường phân bón	23
4. Thị trường điện	25
PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	28
<i>Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 10 năm 2023</i>	29



PHẦN I

KINH TẾ THẾ GIỚI

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 10/2023

1.1. Tổng quan chung

Chỉ số PMI Sản xuất Toàn cầu giảm xuống mức 48.8 điểm trong tháng 10/2023, giảm 0.3 điểm so với 49,1 trong tháng 9/2023, duy trì dưới mức trung tính 50,0 trong tháng thứ 14 liên tiếp.

Trong tháng 10, kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm, không đồng đều ở các khu vực kinh tế lớn. Sản xuất công nghiệp tăng nhưng thương mại toàn cầu lại giảm.

Ngoài ra, lạm phát trên thế giới vẫn ở mức cao, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao. Tính chung từ đầu năm đến 15/10/2023, trên thế giới có 145 lượt tăng và 52 lượt giảm lãi suất.

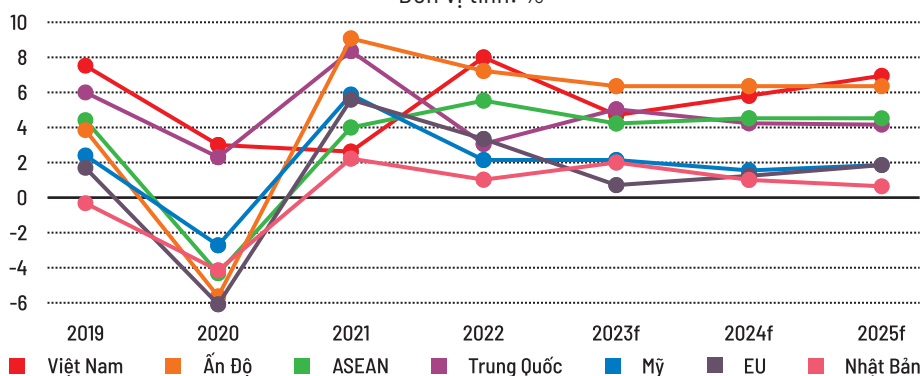
Trong đó, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã nâng lãi suất tiền gửi 6 lần, lên 4,5%, mức cao nhất kể từ năm 1999; Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) đã tăng lãi suất 4 lần, lên 5,25 -5,5% trong tháng 7/2023, cao nhất trong 22 năm qua; Ngân hàng Trung ương Anh (BOA) tăng lãi suất 5 lần, lên 5,25%, cao nhất trong 15 năm qua...

Đặc biệt, tình trạng chiến tranh giữa Israel và phong trào Hồi giáo Hamas trong tháng qua đã làm dấy lên hồi chuông cảnh báo về khả năng xảy ra một cuộc xung đột kéo dài ở Trung Đông và tiềm ẩn rủi ro gây bất ổn cho nền kinh tế toàn cầu trong bối cảnh lạm phát dai dẳng và chi phí vay cao.

Nếu như cuộc xung đột lan rộng ra khu vực Trung Đông, nơi nắm giữ khoảng 1/3 sản lượng dầu mỏ trên thế giới, có thể đẩy giá dầu tăng kỷ lục, lạm phát cao hơn và tăng trưởng kinh tế toàn cầu giảm tốc.

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM 2023-2025

Đơn vị tính: %



Nguồn: IMF và BIDV research

1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

▪ Mỹ

PMI sản xuất đạt 50,0 trong tháng 10/2023, tăng 0,2 điểm từ 49,8 trong tháng 9/2023. Nền kinh tế Mỹ tiếp tục cho thấy khả năng phục hồi. Theo đó, sản lượng kinh doanh của Mỹ tăng cao hơn trong tháng 10/2023, khi lĩnh vực sản xuất thoát khỏi tình trạng suy giảm kéo dài 5 tháng, do số lượng đơn đặt hàng mới tăng và hoạt động dịch vụ tăng tốc nhẹ, trong bối cảnh áp lực lạm phát hạ nhiệt.

Nền kinh tế Mỹ tiếp tục cho thấy khả năng phục hồi đáng chú ý trong tháng 10. Theo đó, sản lượng kinh doanh của Mỹ tăng cao hơn trong tháng 10, khi lĩnh vực sản xuất thoát khỏi tình trạng suy giảm kéo dài 5 tháng, do số lượng đơn đặt hàng mới tăng và hoạt động dịch vụ tăng tốc nhẹ, trong bối cảnh áp lực lạm phát hạ nhiệt.

Báo cáo công bố ngày 26/10 về GDP của Mỹ ghi nhận người tiêu dùng đang là động lực tăng trưởng chính. Người dân Mỹ đang gia tăng chi tiêu của họ trên mọi mặt, từ mua xe cho tới ăn uống.

Bên cạnh đó, lợi suất trái phiếu kho bạc kỳ hạn 10 năm của Mỹ trong ngày 25/10 đã nhích lên mức 4,9506%, tiệm cận 5% - mốc cao nhất trong 16 năm qua ghi nhận hôm 23/10 vừa qua. Điều này cho thấy thị trường kỳ vọng rằng Fed sẽ duy trì mức lãi suất cao và chính phủ Mỹ sẽ tiếp tục bán trái phiếu để giải quyết tình trạng thâm hụt ngày càng lớn.

— DIỄN BIẾN LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU KHO BẠC MỸ KỶ HẠN 30 NĂM TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN NAY —

Đơn vị tính: %



Nguồn: Investing

Dù kinh tế Mỹ cho thấy sự vững vàng trước các thách thức, phần lớn nhà kinh tế học dự báo tăng trưởng chậm lại đáng kể trong vài tháng tới. Tuy nhiên, họ cũng cho rằng Mỹ sẽ tránh được suy thoái nếu không có thêm các cú sốc bất ngờ nào nữa.

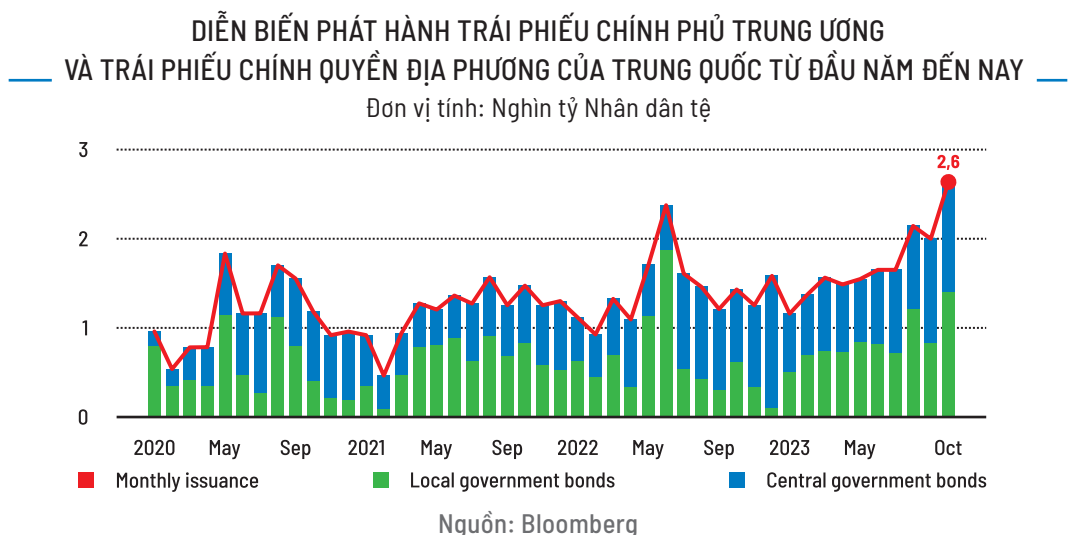
Trong báo cáo Triển vọng Kinh tế Toàn cầu công bố ngày 10/10, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã tăng dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2023 của Mỹ. Cụ thể, IMF dự báo kinh tế Mỹ tăng trưởng 2,1% trong năm 2023 và 1,5% trong năm 2024, lần lượt tăng 0,3 và 0,5 điểm phần trăm so với dự báo hồi tháng 7.

▪ Trung Quốc

Chỉ số PMI ngành sản xuất Trung Quốc giảm xuống 49,5 trong tháng 10/2023, giảm 1,1 điểm, từ 50,6 trong tháng 9/2023. Các doanh nghiệp đã ghi nhận sự sụt giảm mới về sản lượng trong bối cảnh tổng doanh thu tăng chậm hơn, nhu cầu nước ngoài yếu. Do đó, các nhà sản xuất hàng hóa đã cắt giảm hoạt động mua hàng và giảm lượng tồn kho đầu vào của mình.

Trong tháng 10, Trung Quốc đang trên đà bán 2,6 nghìn tỷ nhân dân tệ (360 tỷ USD) trái phiếu chính phủ trong nước và trái phiếu chính quyền địa phương, mức cao nhất trong năm nay, theo tính toán của Bloomberg dựa trên dữ liệu của China-bond. Tổng số trái phiếu phát hành trong tháng 10 cũng cao hơn 63% so với mức phát hành trung bình hàng tháng so với 9 tháng đầu năm.

Việc tăng phát hành trái phiếu phản ánh nỗ lực của chính phủ trong việc thúc đẩy chi tiêu, khi nền kinh tế đang phải chịu niềm tin kinh doanh thấp và thị trường bất động sản sụt giảm sâu.



Trong khi đó, Trung Quốc cũng đang tìm cách thúc đẩy đầu tư trong khu vực và giảm thiểu rủi ro đối với các khoản nợ ngoại bảng. Hầu hết khoản nợ gồm 1,11 nghìn tỷ nhân dân tệ trái phiếu tái cấp vốn, có thể được sử dụng để trả cho các hình thức thức tài trợ.

Thanh khoản hệ thống ngân hàng đã bị suy giảm do bán trái phiếu quá nhiều, đẩy lợi suất trái phiếu chính phủ hồi đầu tháng 10 lên mức cao nhất kể từ tháng 5.

Đà tăng trưởng đang dần quay trở lại với kinh tế Trung Quốc, dù cuộc khủng hoảng bất động sản và những thách thức khác tiếp tục đặt ra rủi ro đối với triển vọng của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới.

Trong báo cáo ngày 10/10, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo kinh tế Trung Quốc tăng 5% trong năm 2023, 4,2% trong năm 2024, lần lượt giảm 0,2 và 0,3 điểm phần trăm so với dự báo hồi tháng 7.

▪ EU

Chỉ số PMI ngành sản xuất của khu vực đồng euro đạt 43,1 điểm trong tháng 10/2023, giảm 0.3 điểm từ mức 43,4 trong tháng 9/2023.

Châu Âu vẫn là khu vực kinh tế yếu nhất thế giới khi phải đương đầu với tác động kết hợp của giá năng lượng tăng cao và sự gián đoạn của dòng chảy thương mại sau chiến sự Ukraine cũng như lạm phát dai dẳng và lãi suất cao hơn.

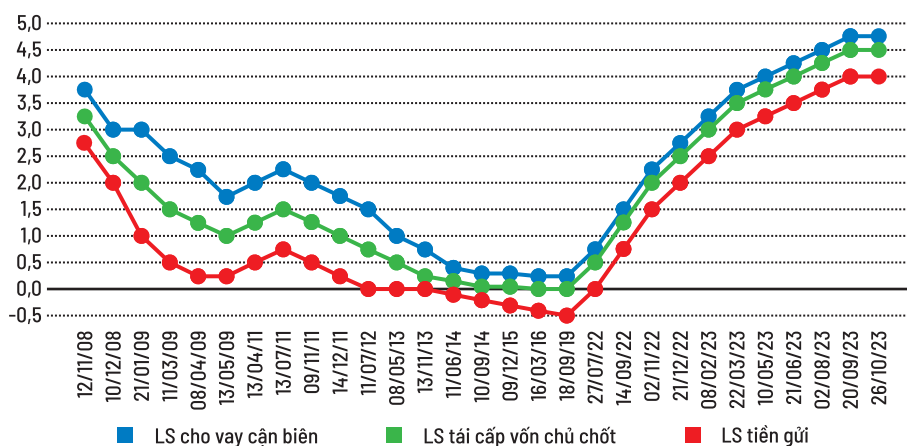
Hoạt động kinh doanh tại Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) đã bất ngờ chuyển biến xấu đi trong tháng 10 do nhu cầu giảm trên toàn khu vực. Theo đó, Chỉ số Nhà quản lý mua hàng tổng hợp (PMI) của Eurozone, do S&P Global tổng hợp và được coi là chỉ dẫn về sức khỏe nền kinh tế, đã giảm xuống 46,5 trong tháng 10/2023 so với mức 47,2 của tháng 9/2023 và là mức thấp nhất kể từ tháng 11/2020. Không tính thời gian xảy ra đại dịch Covid-19, đây là mức PMI thấp nhất kể từ tháng 3/2013. PMI dưới 50 thể hiện sự sụt giảm.

Bên cạnh đó, chi phí bảo hiểm cho khoản nợ lợi suất cao ở châu Âu đã đạt mức cao nhất kể từ cuối tháng 3 vào ngày 20/10, ở mức 473 điểm cơ bản. Bởi vì các công ty sẽ phải tái cấp vốn cho khoản nợ với chi phí vốn cao hơn, điều này sẽ ảnh hưởng đến khả năng trả lãi, cuối cùng dẫn đến nhiều vụ vỡ nợ hơn.

Trong bối cảnh còn nhiều những lo ngại ngày càng lớn về tình hình tăng trưởng của nền kinh tế khu vực sử dụng đồng euro, ngày 26/10, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) quyết định giữ nguyên lãi suất, Cụ thể, lãi suất tiền gửi ở 4,00%, lãi suất tái cấp vốn chủ chốt ở 4,50%, lãi suất cho vay cận biên ở 4,75%.

ECB QUYẾT ĐỊNH GIỮ NGUYÊN LÃI SUẤT SAU 10 LẦN TĂNG LIÊN TIẾP

Đơn vị tính: %



Nguồn: ECB

Trong nhóm các nền kinh tế phát triển, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo kinh tế Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) chỉ tăng trưởng 0,7% trong năm 2023, thấp hơn 0,2 điểm phần trăm so với dự báo hồi tháng 7, và suy giảm 1,2% trong năm 2024.

2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

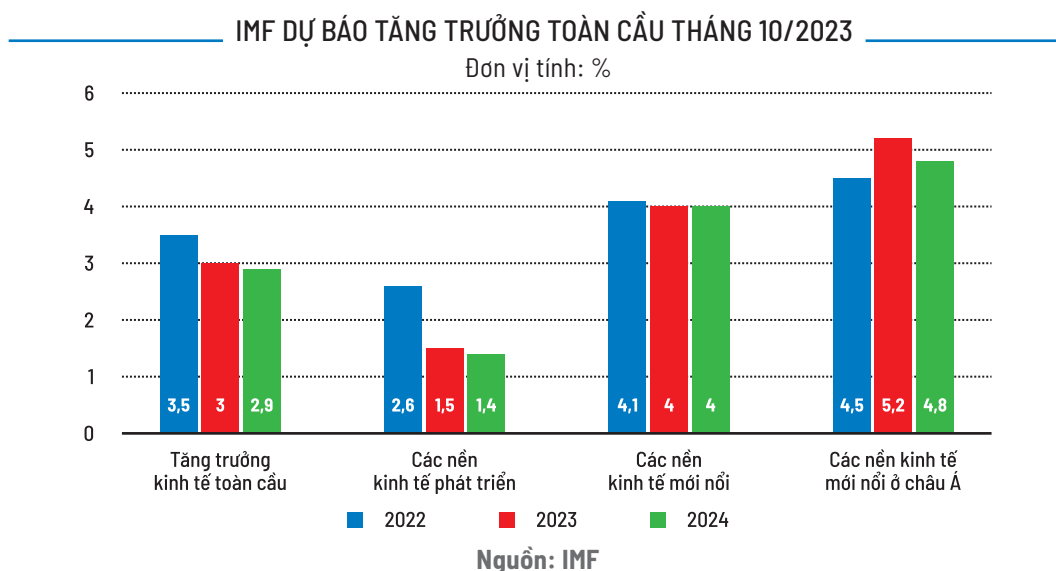
Ngày 5/10, Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đã hạ dự báo tăng trưởng thương mại toàn cầu trong năm 2023 xuống còn một nửa trong bối cảnh thương mại hàng hóa liên tục sụt giảm từ quý IV/2022.

Theo đó, WTO ước tính khối lượng thương mại hàng hóa sẽ tăng 0,8% trong năm 2023, thấp hơn dự báo trước đó hồi tháng 4 ở mức 1,7%. Trong khi đó, tổ chức này dự đoán khối lượng thương mại hàng hóa năm 2024 sẽ tăng thêm 3,3%.

Ngày 10/10, trong Báo cáo về triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo kinh tế thế giới sẽ tăng 3% trong năm nay, không thay đổi so với với dự báo mà tổ chức này đưa ra hồi tháng 7. Nhưng IMF đã hạ 0,1 điểm phần trăm trong dự báo tăng trưởng của năm 2024 xuống 2,9%.

Báo cáo của IMF nhận định: Tăng trưởng kinh tế toàn cầu đang bị kìm hãm bởi ảnh hưởng dai dẳng của đại dịch, cuộc xung đột Nga-Ukraina, và sự phân rã gia tăng, cùng với lãi suất cao, các sự kiện thời tiết cực đoan, và sự suy giảm của các biện pháp kích cầu bằng tài khoá. Theo ước tính của IMF, GDP toàn cầu năm nay sẽ thấp hơn khoảng 3,6 nghìn tỷ USD, tương đương thấp hơn 3,4%, so với dự báo đưa ra trước đại dịch.

Nền kinh tế toàn cầu đang cho thấy sự vững vàng sau những cú sốc lớn đã xảy ra trong 2-3 năm qua. Nhưng tăng trưởng cũng không như kỳ vọng, nền kinh tế toàn cầu đang phát triển chậm và chưa có dấu hiệu đột phá.



Triển vọng trung hạn của kinh tế thế giới cũng không khả quan. IMF dự báo mức tăng trưởng toàn cầu 3,1% cho năm 2028, chỉ cao hơn một chút so với triển vọng của năm 2023 và 2024. Thời điểm trước khi xảy ra cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008-2009, IMF đưa ra mức dự báo tăng trưởng toàn cầu sau 5 năm là 4,9%.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 11/2023

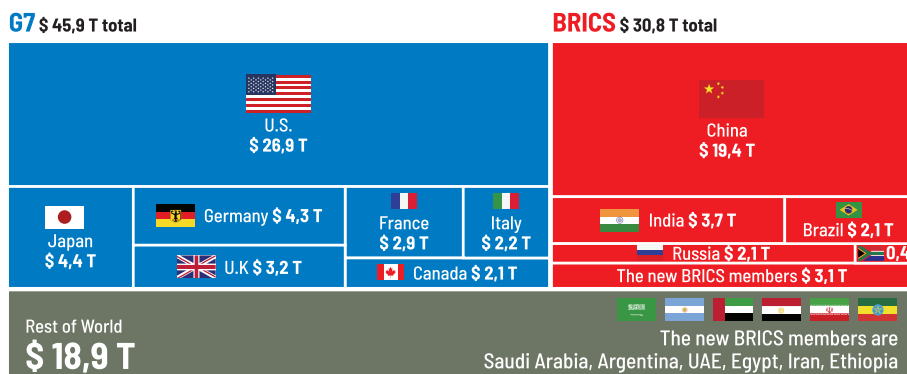
Lạm phát đang tiếp tục giảm trên toàn cầu, chủ yếu do giá năng lượng giảm và một phần do giá lương thực-thực phẩm xuống thang. Theo dự báo của IMF, lạm phát bình quân toàn cầu năm 2023 sẽ là 6,9%, giảm từ mức 8,7% trong năm 2022, và tiếp tục giảm còn 5,8% trong năm 2024.

Lạm phát lõi giảm chậm hơn, còn 6,3% trong năm 2023 từ 6,4% trong năm 2022, và còn 5,3% trong năm 2024. Nguyên nhân lạm phát lõi giảm chậm là thị trường lao động còn thắt chặt và lạm phát giá dịch vụ dai dẳng hơn dự báo.

Bên cạnh đó sự xuất hiện của khối BRICS đang mở ra khả năng thiết lập trật tự thế giới mới. BRICS được xem là đối thủ địa chính trị hàng đầu của khối G7 và đang mở rộng tầm ảnh hưởng của mình.

Tổng GDP của BRICS hiện chiếm 31,5% GDP toàn cầu, trong khi nhóm 7 quốc gia công nghiệp hàng đầu thế giới (G7) chiếm 30,7% GDP toàn thế giới.

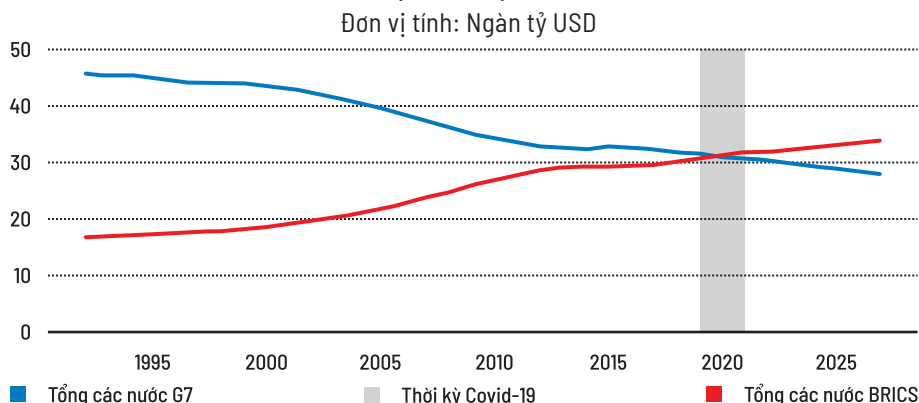
SO SÁNH GDP CỦA G7 VÀ BRICS



Nguồn: IMF

Bloomberg dự đoán tới năm 2028, BRICS có thể tiếp tục nới rộng khoảng cách với G7.

BRICS CÓ THỂ TIẾP TỤC NỚI RỘNG KHOẢNG CÁCH VỚI G7



Nguồn: IMF



PHẦN II

KINH TẾ VIỆT NAM

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 10/2023

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng ngành sản xuất Việt Nam đạt 49,6 trong tháng 10/2023, giảm 0.1 điểm so với mức 49,7 vào tháng 9/2023 và dưới mốc 50 điểm hai tháng liên tiếp.

Số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục tăng, nhưng tốc độ tăng nhẹ và không đủ để khuyến khích các công ty tăng sản lượng. Thay vào đó, các nhà sản xuất đã dùng hàng tồn kho thành phẩm để đáp ứng nhu cầu. Điểm tích cực là việc làm đã ổn định sau thời kỳ giảm việc làm, và các công ty tiếp tục gia tăng hoạt động mua hàng với tâm lý lạc quan về triển vọng trong năm tới.

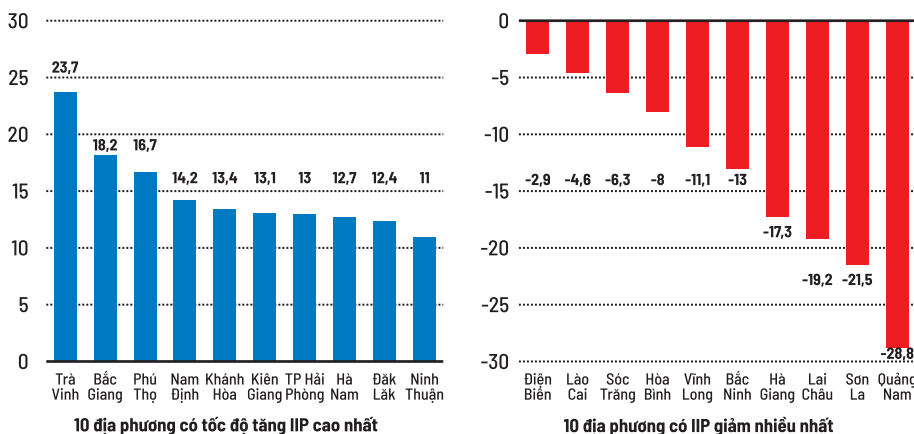
1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 10/2023 ước tăng 5,5% so với tháng trước và tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng năm 2023, IIP ước tính tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 tăng 8,9%).

Chỉ số sản xuất công nghiệp 10 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước tăng ở 49 địa phương và giảm ở 14 địa phương trên cả nước.

TỐC ĐỘ TĂNG/GIẢM IIP 10 THÁNG NĂM 2023 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng cục thống kê

1.1.2. Xuất nhập khẩu

Trong tháng 10, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 61,62 tỷ USD, tăng 4,1% so với tháng trước và tăng 5,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 557,95 tỷ USD, giảm 9,6% so với cùng kỳ năm trước.

XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA 10 THÁNG NĂM 2023



Nguồn: Tổng cục Thống kê

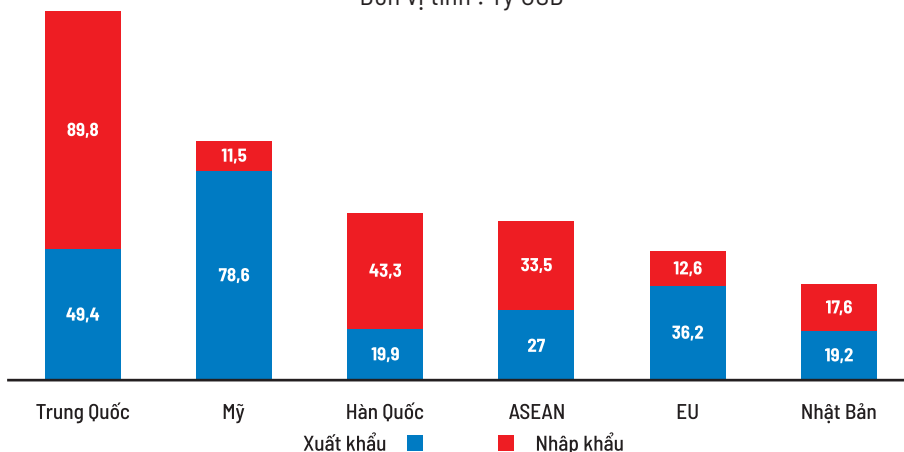
Xuất khẩu hàng hóa: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 10 năm 2023 ước đạt 32,31 tỷ USD, tăng 5,3% so với tháng trước và tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng năm nay, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 291,28 tỷ USD, giảm 7,1% so với cùng kỳ năm trước.

Nhập khẩu hàng hóa: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 10 năm 2023 ước đạt 29,31 tỷ USD, tăng 2,9% so với tháng trước và tăng 5,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng năm 2023, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 266,67 tỷ USD, giảm 12,3% so với cùng kỳ năm trước.

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa 10 tháng năm 2023, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 78,6 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 89,8 tỷ USD.

KIM NGẠCH XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VỚI CÁC THỊ TRƯỜNG CHÍNH TRONG THÁNG 10/2023

Đơn vị tính : Tỷ USD



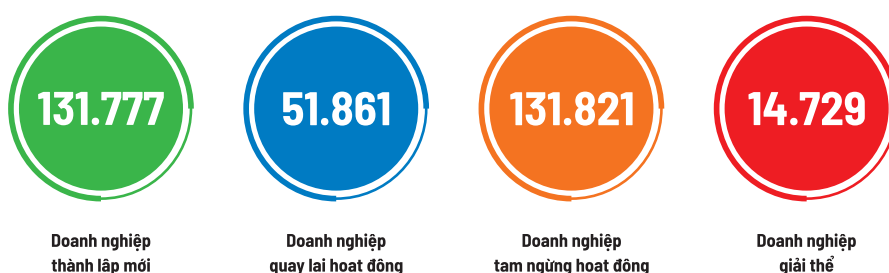
Nguồn: Tổng cục Thống kê

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 11/2023

1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng 10, cả nước có hơn 15,4 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, tăng 21,7% so với tháng trước và tăng 18,5% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, cả nước còn có 5,6 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 3,1% so với tháng trước và tăng 44,2% so với cùng kỳ năm 2022; có 5.501 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 33,4% và tăng 35,6%; có 4.898 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 7,1% và tăng 16,6%; có 1.501 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 4,2% và giảm 6,3%.

TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP 10 THÁNG NĂM 2323

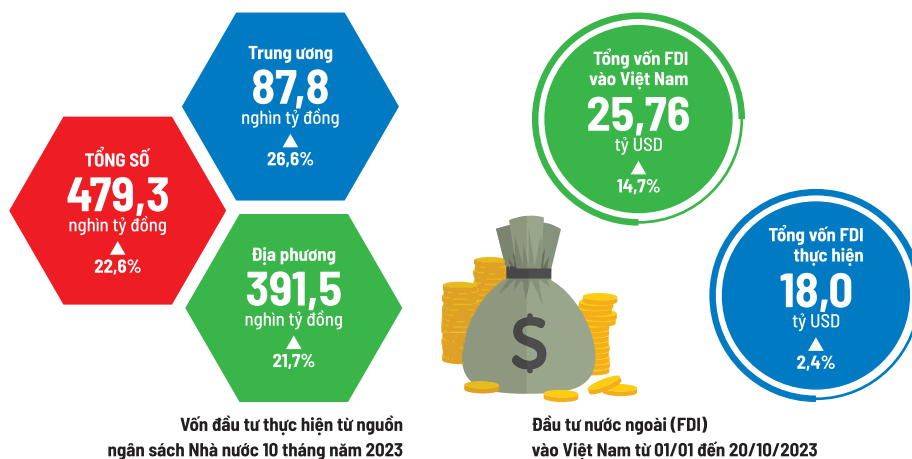


Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tính chung 10 tháng năm 2023, cả nước có 183,6 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước; bình quân một tháng có gần 18,4 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 146,6 nghìn doanh nghiệp, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước; bình quân một tháng có 14,7 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

1.1.4. Hoạt động đầu tư

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ 10 THÁNG NĂM 2023

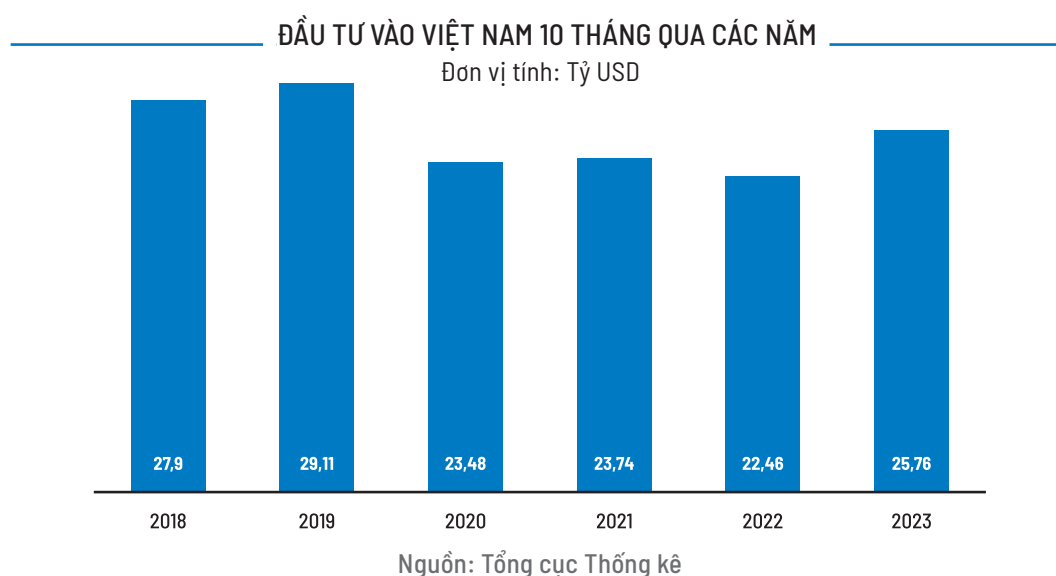


Nguồn: Tổng cục Thống kê

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 11/2023

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng Mười ước đạt 65,7 nghìn tỷ đồng, tăng 20,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng năm 2023, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 479,3 nghìn tỷ đồng, bằng 65,8% kế hoạch năm và tăng 22,6% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 bằng 65,1% và tăng 21,1%).

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/10/2023 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 25,76 tỷ USD, tăng 14,7% so với cùng kỳ năm trước.



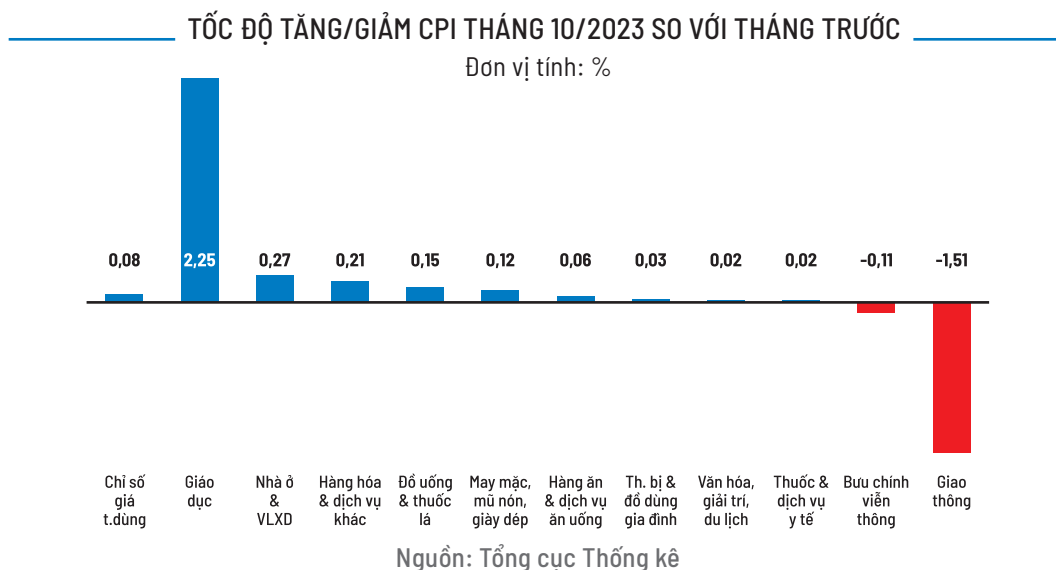
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 10 tháng năm 2023 ước đạt 18 tỷ USD, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 10 tháng năm 2023 có 95 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 251,2 triệu USD, giảm 36,6% so với cùng kỳ năm trước; có 19 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 173 triệu USD, gấp gần 2,8 lần. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 424,4 triệu USD, giảm 6,1% so với cùng kỳ năm trước.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 11/2023

1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10/2023 tăng nhẹ 0,08% so với tháng trước. So với tháng 12/2022, CPI tháng Mười tăng 3,2% và so với cùng kỳ năm trước tăng 3,59%. Bình quân 10 tháng năm 2023, CPI tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,38%.



1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước, đến ngày 24/10, tín dụng đối với nền kinh tế tăng 6,81% so với cuối năm 2022, trong đó từ tháng 5 trở lại đây đã tăng nhanh hơn; tín dụng đối với doanh nghiệp đạt gần 6,5 triệu tỷ đồng, chiếm trên 50% dư nợ toàn nền kinh tế.

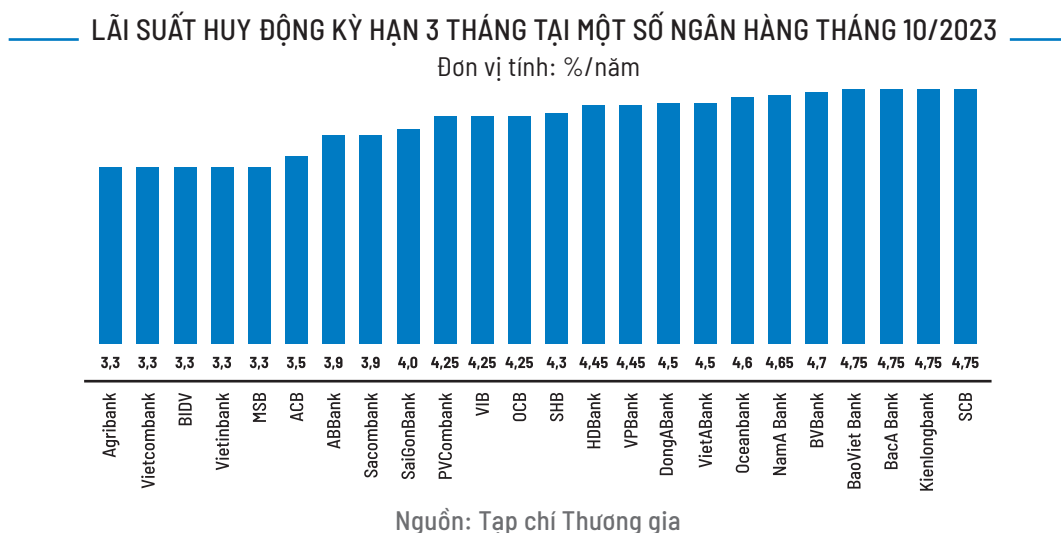
Nguyên nhân tín dụng vẫn tăng chậm chủ yếu xuất phát từ các yếu tố như: cầu tín dụng thấp do doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khách quan (cầu đầu tư, sản xuất kinh doanh, tiêu dùng giảm).

1.2.2. Lãi suất

Theo thống kê đến ngày 30/10, đã có 25 ngân hàng giảm lãi suất huy động. Trong đó, CBBank, VIB, Vietcombank, SHB, Dong A Bank, PG Bank, Nam A Bank, HDBank, LPBank, Viet A Bank là những ngân hàng giảm lãi suất hai lần trong tháng này. Ngân hàng VietBank và Bac A Bank đã giảm lãi suất lần thứ 3 trong tháng. Ngược lại, đã có một ngân hàng tăng lãi suất huy động là GPBank vào ngày 4/10.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 11/2023

Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng dao động trong khoảng 3,3 - 4,75%/năm, lĩnh lãi cuối kỳ. Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 6 tháng tại các ngân hàng dao động từ 4,1 - 6,1%. Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng dao động từ 4,7 - 11%/năm, những ngân hàng niêm yết lãi suất gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng cao nhất là PVcomBank (11%/năm), HDBank (8,2%/năm), NCB (6,2%/năm), CB BANK (6%/năm)...



1.2.3. Tỷ giá

Giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 24.582 VND/USD. Chỉ số giá USD tháng 10/2023 tăng 1,2% so với tháng trước; tăng 1,56% so với tháng 12/2022; tăng 1,79% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 10 tháng năm 2023 tăng 2,24%.

1.2.4. Giá vàng

Theo các nhà phân tích tại Hội đồng Vàng Thế giới, mặc dù tháng 10 là tháng lịch sử đối với thị trường vàng khi kim loại quý này chứng kiến mức giá đóng cửa cao kỷ lục trong tháng, nhưng vẫn cần nhiều hơn nữa các chất xúc tác để tạo ra lực đẩy bền vững trên thị trường.

Các chuyên gia lưu ý rằng, sự bất ổn địa chính trị do xung đột giữa Israel và Hamas khiến nhu cầu đầu cơ trú ẩn an toàn tăng cao, tuy nhiên các nhà đầu tư dài hạn vẫn miễn cưỡng nhảy vào thị trường do hành động giá yếu trong các sản phẩm giao dịch trao đổi được hỗ trợ bằng vàng (ETF). Để vàng tăng bền vững trên 2.000 USD/ounce đòi hỏi cần phải có những dấu hiệu cho thấy rủi ro chính trị vẫn tiếp tục và lợi suất trái phiếu và đồng USD đạt đỉnh.

Với giá vàng trong nước trái chiều và giá vàng thế giới niêm yết tại Kitco ở mức 1.968,7 USD/ounce (tương đương gần 58,1 triệu đồng/lượng nếu quy đổi theo tỷ giá Vietcombank, chưa thuế, phí), chênh lệch giữa giá vàng trong nước và thế giới khoảng gần 12 triệu đồng/lượng.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 11/2023

GIÁ VÀNG SJC SÁNG 9/11 TĂNG VƯỢT MỐC 70 TRIỆU ĐỒNG/LƯỢNG

Đơn vị tính: Triệu đồng/lượng



Nguồn: SJC

1.2.5. Chứng khoán

Đóng cửa phiên 10/11, VN-Index ghi nhận ở mức 1.103,49 điểm. Chỉ số hiện tại chỉ cao hơn so với đầu năm khoảng 5,32%. Thanh khoản thị trường cũng thu hẹp so với thời gian trước.

PHIÊN 8/11/2023: VN-INDEX TĂNG MẠNH HƠN 33 ĐIỂM



Nguồn: TTXVN

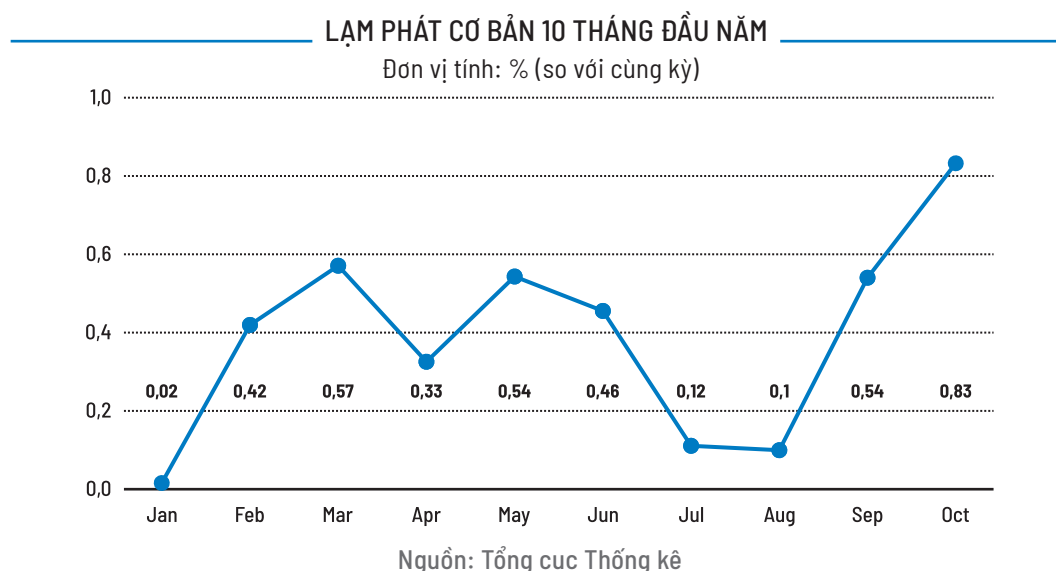
Giá của các cổ phiếu thuộc ngành dầu khí trong nước hầu hết có biến động cùng pha và khá tương quan với biến động giá dầu thô thế giới. Nhóm dầu khí cũng có nhiều chuyển biến tích cực nhờ hưởng lợi việc Chính phủ thúc đẩy siêu dự án Lô B - Ô Môn, các mã cổ phiếu nhóm dầu khí được dự báo sẽ có sự tăng trưởng tốt phải kể đến như PVS, PVD, PVB, PVC, BSR...

1.2.5. Lạm phát

Lạm phát cơ bản tháng 10/2023 tăng 0,09% so với tháng trước, tăng 3,43% so với cùng kỳ năm trước.

Bình quân 10 tháng năm 2023, lạm phát cơ bản tăng 4,38% so với cùng kỳ năm 2022, cao hơn mức tăng CPI bình quân chung (tăng 3,2%).

Nguyên nhân chủ yếu do bình quân giá xăng dầu trong nước 10 tháng năm 2023 giảm 13,24% so với cùng kỳ năm trước, giá gas giảm 8,55% là yếu tố kiềm chế tốc độ tăng của CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.



2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

2.1. Về chủ trương, chính sách

- ***Đề xuất cố định điều chỉnh giá xăng dầu vào thứ 5 hàng tuần***

Thực tế cho thấy, có những thời điểm khi thị trường xăng dầu thế giới biến động liên tục với biên độ lớn, các chi phí kinh doanh xăng dầu tăng nhưng chưa được cập nhật kịp thời dẫn đến doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc nhập khẩu.

Do vậy, Bộ Công Thương đề xuất tiếp tục rút ngắn thời gian điều hành giá xăng dầu xuống còn 7 ngày, thay vì 10 ngày như hiện nay và xác định thời điểm công bố cố định vào ngày thứ 5 hàng tuần.

- ***Bộ Tài chính đề xuất giảm thuế bảo vệ môi trường xăng dầu hết năm 2024***

Bộ Tài chính trình Chính phủ để trình UBTVQH ban hành Nghị quyết về mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn để áp dụng trong năm 2024 như mức thuế quy định tại Nghị quyết số 30/2022/UBTVQH15 của UBTVQH.

Cụ thể Thuế bảo vệ môi trường với xăng, trừ etanol dự kiến trong 2024 vẫn là 2.000 đồng một lít; nhiên liệu bay, dầu diesel, dầu mazut, dầu nhờn là 1.000 đồng một lít; mỡ nhờn 1.000 đồng một kg; dầu hỏa 600 đồng một lít.

Để đảm bảo tính liên tục và kịp thời, đề nghị nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2024.

- ***Tiếp tục giảm 2% thuế VAT để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp***

Văn phòng Chính phủ đã có công văn gửi Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đề xuất giảm thuế giá trị gia tăng (VAT) 6 tháng đầu năm 2024. Theo đó, Phó Thủ tướng đồng ý với đề xuất của Bộ Tài chính giảm 2% thuế VAT trong 6 tháng đầu năm 2024.

Phó Thủ tướng giao Bộ Tài chính khẩn trương tổng hợp nội dung đề xuất trình Quốc hội tiếp tục giảm thuế GTGT 2% trong 6 tháng đầu năm 2024 và giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định trong thời gian giữa 2 kỳ họp Quốc hội nếu tình hình kinh tế và doanh nghiệp vẫn còn khó khăn vào Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm 2023, dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

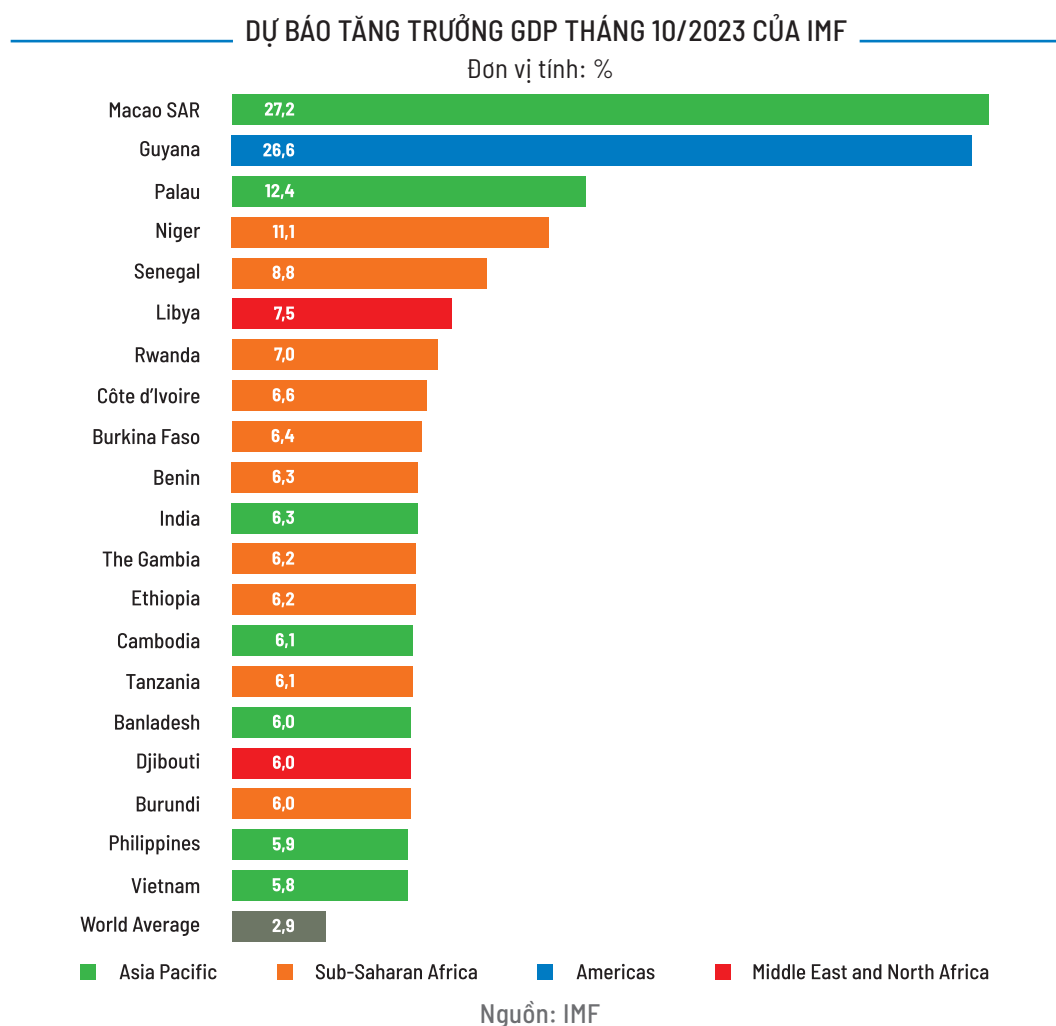
Trong báo cáo được công bố ngày 2/10, *Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm 2023 chỉ ở mức 4,7%*, thấp hơn nhiều so với mục tiêu theo kế hoạch (6,5%), do tiêu dùng tư nhân yếu đi, thị trường bất động sản ảm đạm, và nhu cầu bên ngoài giảm mạnh.

Mặc dù tăng trưởng chững lại, nhưng tỷ lệ nghèo dự kiến giảm từ 3,2% trong năm 2022 xuống còn 3% trong năm 2023.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 11/2023

Tuy nhiên, *theo dự báo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) trong báo cáo tháng 10, GDP của Việt Nam sẽ tăng trưởng 5,8% trong năm 2024*, nằm trong nhóm 20 nền kinh tế tăng trưởng cao nhất thế giới.

Giới chuyên gia IMF duy trì dự báo mức tăng trưởng GDP 4,7% cho năm nay, nhưng bày tỏ lạc quan về triển vọng trong trung hạn, với mức dự báo tăng trưởng GDP đạt 5,8% vào năm 2024 và 6,9% vào năm 2025.



Ngày 9/11/2023, tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV, 447 đại biểu (chiếm tỷ lệ 90,49 %) tham gia biểu quyết tán thành Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024. Nghị quyết đặt ra mục tiêu, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) từ 6,0 - 6,5%; GDP bình quân đầu người đạt khoảng 4.700 - 4.730 USD/người. Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt khoảng 24,1% - 24,2%. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân 4,8% - 5,3%

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 11/2023

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2024

CÁC CHỈ TIÊU	MỤC TIÊU
Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước - GDP (%)	6,0 - 6,5
GDP bình quân đầu người (USD)	~ 4.700 - 4.730
Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP (%)	~ 24,1 - 24,2
Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân (%)	4,0 - 4,5
Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân (%)	4,8 - 5,3
Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội (%)	26,5
Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%)	~ 69
- Trong đó: tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ (%)	28,0 - 28,5
Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị (%)	< 4
Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều (%)	giảm > 1
Số bác sỹ trên 10.000 dân (bác sỹ)	~ 13,5
Số giường bệnh trên 10.000 dân (giường)	~ 32,5
Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế (%)	94,1
Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới (%)	80
Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn (%)	95
Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (%)	92

Nguồn: TTXVN



THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

1.1. Thông tin trong kỳ

1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ *Cung dầu mỏ:*

Trong tháng 10, nguồn cung dầu từ Nga đang tăng dần đều, khi nước này có dấu hiệu ngày càng lỏng lẻo hơn trong việc tuân thủ thỏa thuận hạn chế nguồn cung với Saudi Arabia. Theo Bloomberg, lượng dầu được vận chuyển đi từ các cảng của Nga tính đến ngày 22/10 ở mức khoảng 3,53 triệu thùng/ngày, nâng mức trung bình bốn tuần lên 3,5 triệu thùng/ngày, mức cao nhất kể từ tháng 6 đến nay.

Bên cạnh đó, ngày 18/10, Chính phủ Mỹ thông báo nói lỏng trừng phạt đối với Venezuela, cho phép nước này được giao dịch dầu mỏ trong 6 tháng. Việc này giữ cho nguồn cung dầu thế giới được ổn định.

▪ *Cầu dầu mỏ:*

Tổng nhập khẩu dầu thô bằng đường thủy của Mỹ dự kiến đạt trung bình 2,47 triệu thùng/ngày trong tháng 10/2023, giảm so với mức 2,92 triệu thùng/ngày trong tháng 9, trong đó nhập khẩu từ các nhà sản xuất OPEC+ bao gồm Nigeria, Algeria và Saudi Arabia sụt giảm mạnh.

Nhu cầu dầu thô Trung Quốc trong tháng 10 cũng giảm mạnh trong bối cảnh tồn kho tăng, đặc biệt là xăng. Biên lợi nhuận tinh chế từ việc xử lý nguyên liệu thô nhập khẩu của các nhà máy lọc dầu tư nhân đã âm với mức khoảng 3 USD/thùng kể từ ngày 27/10.

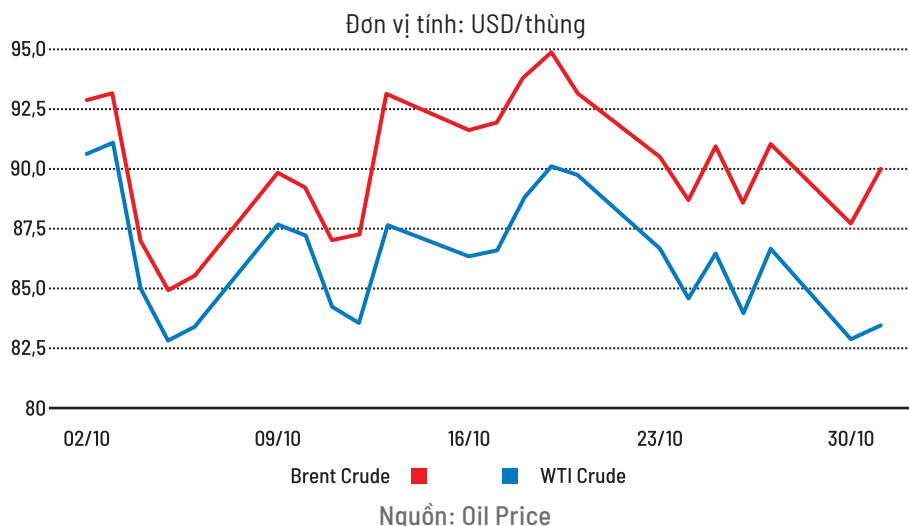
▪ *Diễn biến giá:*

Giá dầu thế giới trong tháng 10 liên tục biến động theo diễn biến xung đột Israel - Hamas. Giá dầu Brent trong tháng đã có lúc tăng vượt 92 USD/thùng vào ngày 19/10 do những lo ngại về nguồn cung toàn cầu thắt chặt hơn sau khi Iran kêu gọi cấm vận dầu mỏ đối với Israel do xung đột ở Gaza.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 11/2023

Tuy nhiên, sau đó giá dầu đã quay đầu giảm khi các nỗ lực ngoại giao ở Trung Đông được tăng cường nhằm ngăn xung đột Israel - Hamas leo thang, dự trữ dầu của Mỹ bất ngờ tăng và các dữ liệu kinh tế yếu từ khu vực đồng euro và Anh.

DIỄN BIẾN GIÁ DẦU THÔ BRENT VÀ GIÁ DẦU THÔ WTI TRONG THÁNG 10/2023

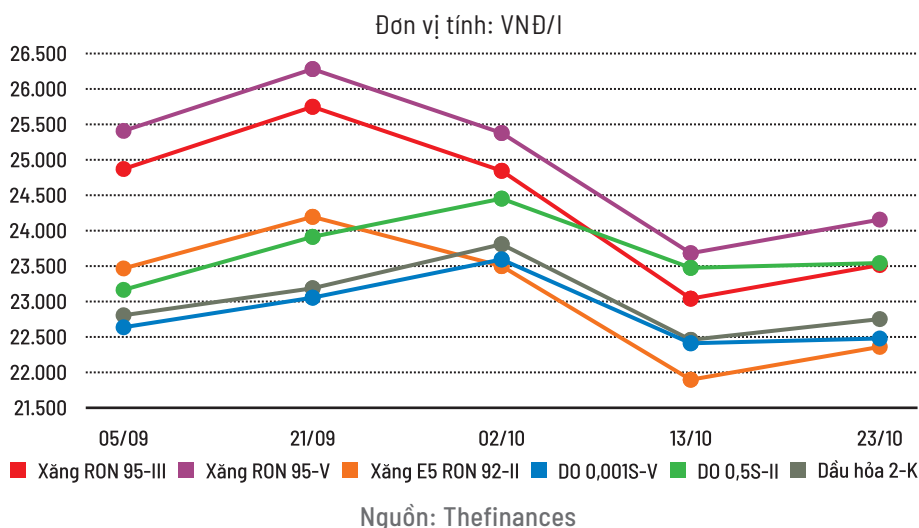


1.1.2. Thị trường trong nước

Giá xăng tháng 10 giảm 4,59% so với tháng trước; cùng với đó giá dầu diezen giảm 0,73% so với tháng trước.

Trong tháng 10, giá xăng nhập khẩu tiếp tục cao hơn giá bán hiện tại, nhưng giá dầu diesel lại giảm theo giá thế giới. Mức chênh lệch giữa giá xăng dầu nhập khẩu và giá bán trong nước khá cao, có mặt hàng thành phẩm nhập khẩu thấp hơn giá trong nước gần 2.000 đồng/lít.

DIỄN BIẾN GIÁ XĂNG DẦU TRONG NƯỚC THÁNG 10/2023



1.2. Dự báo

1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ *Cung dầu mỏ:*

Ả Rập Xê-út cho biết sẽ duy trì mức cắt giảm tự nguyện 1 triệu thùng/ngày (bpd) đến cuối năm 2023, trong khi Nga sẽ giữ mức hạn chế xuất khẩu tự nguyện 300.000 thùng/ngày cho đến hết năm 2023.

▪ *Cầu dầu mỏ:*

Dự báo tăng trưởng nhu cầu tiêu thụ dầu mỏ năm 2024 của hai nhà dự báo hàng đầu đã có sự chênh lệch lớn. Trong khi Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo về sự giảm tốc mạnh thì nhóm các nhà sản xuất dầu OPEC vẫn giữ nguyên dự báo mức tăng trưởng bền vững, dẫn đầu là Trung Quốc.

IEA đã hạ dự báo tăng trưởng năm 2024 xuống 880.000 thùng/ngày, từ mức 1 triệu thùng/ngày, cho thấy điều kiện kinh tế toàn cầu khó khăn hơn, do đó cũng sẽ ảnh hưởng đến tiêu dùng.

Ngược lại, *OPEC vẫn giữ nguyên dự báo tăng trưởng 2,25 triệu thùng/ngày vào năm 2024*. Chênh lệch giữa hai dự báo rơi vào khoảng 1,37 triệu thùng/ngày - tương đương hơn 1% lượng dầu tiêu thụ hàng ngày trên toàn cầu.

Cả hai nhà dự báo gần như có cùng quan điểm khi nói đến nhu cầu trong năm nay. IEA đã nâng con số tăng trưởng trong năm nay lên 2,3 triệu thùng/ngày, gần bằng mức dự báo 2,4 triệu thùng/ngày của OPEC.

▪ *Diễn biến giá:*

EIA dự báo giá dầu Brent sẽ giao dịch trung bình quanh 93 USD/thùng trong quý 4/2023 và có xu hướng giảm xuống mức bình quân 87 USD/thùng trong năm 2024.

Ngân hàng Bank of America dự báo giá dầu Brent trong quý cuối năm 2023 có thể tăng lên mức 96 USD/thùng và đạt trung bình 85 USD trong cả năm 2023, chủ yếu do Arab Saudi và Nga cắt giảm mạnh nguồn cung.

1.2.2. Thị trường trong nước

Nguồn cung và giá xăng dầu cuối năm dự báo có thể sẽ có nhiều biến động khó lường trước tác động của thị trường xăng dầu thế giới và cơ chế điều hành mới. Trong ngắn hạn, giá xăng dầu dự báo có thể sẽ tiếp tục tăng vào thời điểm cuối năm do siết chặt nguồn cung.

2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

2.1. Thông tin trong kỳ

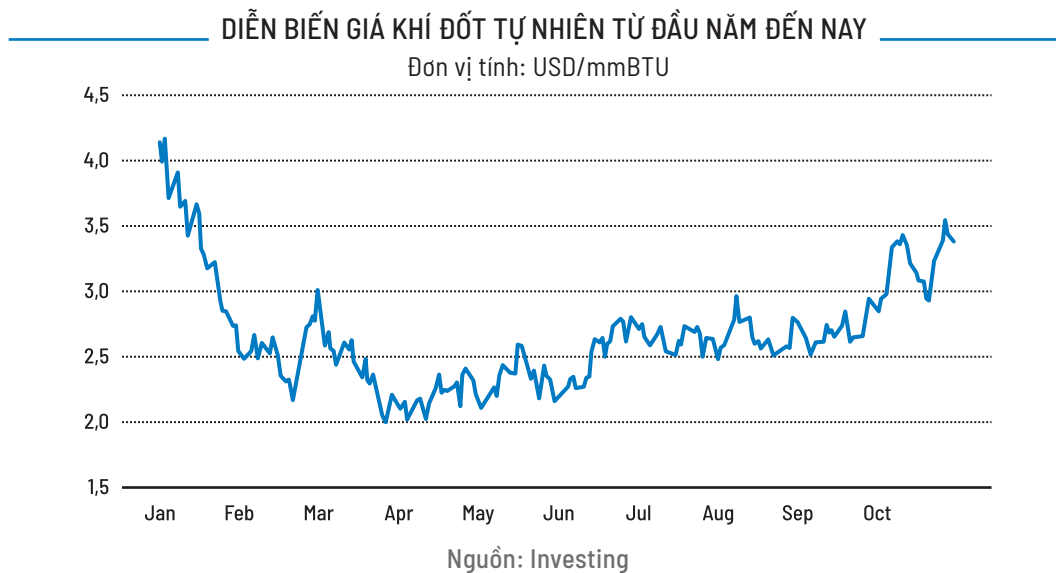
2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Trong tháng 10, thị trường khí đốt tự nhiên đã bị ảnh hưởng đặc biệt bởi cuộc khủng hoảng năng lượng toàn cầu, bị chi phối bởi lo ngại về an ninh nguồn cung từ phía đông Địa Trung Hải vốn có thể gặp nguy hiểm sau cuộc tấn công của Hamas vào Israel và đà tăng giá sau khi Nga cắt giảm dòng khí đốt sang châu Âu.

Cơ sở Hạ tầng Khí đốt châu Âu cho biết tổng dự trữ khí đốt ở Liên minh châu Âu (EU) đã đạt mức cao kỷ lục, các cơ sở lưu trữ dưới lòng đất đã được lấp đầy 97,89% (cao hơn 8,54 % so với mức trung bình vào thời điểm này trong 5 năm qua), chứa 107,75 tỷ m³ khí đốt.

Ngoài ra, các nước thành viên EU cuối cùng đã nhất trí áp dụng giá trần nếu giá khí đốt chạm mức 180 euro/megawatt giờ trong 3 ngày liên tiếp.

Tại châu Á, giá khí đốt tự nhiên hóa lỏng ít thay đổi do nhu cầu sưởi ấm ổn định ở châu Âu hỗ trợ giá bất chấp dự báo thời tiết ôn hòa trong những tháng tới.



2.1.2. Thị trường trong nước

Giá gas tháng 10 tăng 4,72% so với tháng trước, nguyên nhân là từ ngày 01/10/2023, giá gas trong nước điều chỉnh tăng 20.000 đồng/bình 12 kg sau khi giá gas thế giới tăng 52,5 USD/tấn (từ mức 555 USD/tấn lên mức 607,5 USD/tấn).

Ngày 29/10, Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV GAS) đã chính thức đưa dự án kho LNG 1 MMTPA Thị Vải tại Bà Rịa - Vũng Tàu đi vào hoạt động. Dự án sẽ mở đường đưa sản phẩm khí thiên nhiên hóa lỏng LNG nhập khẩu với quy mô lớn nhất (1 triệu tấn) có mặt tại thị trường Việt Nam, chính thức ghi tên Việt Nam vào bản đồ LNG toàn cầu và đánh dấu bước đi quan trọng trong quá trình chuyển dịch năng lượng theo hướng xanh, sạch và bền vững.

2.2. Dự báo

2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Ngày 10/10, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo nhu cầu khí đốt tự nhiên toàn cầu sẽ tăng trưởng chậm hơn cho đến năm 2026 sau khi đạt đỉnh ở các thị trường trưởng thành như châu Âu và Bắc Mỹ vào năm 2021.

IEA cũng dự báo các dự án LNG sẽ đi vào hoạt động từ năm 2025 dự kiến bổ sung công suất mới hơn 250 tỷ mét khối (bcm) mỗi năm vào năm 2030. Tuy nhiên, nguồn cung nhiều hơn sẽ gây áp lực lên giá, IEA dự báo giá có thể giảm gần 80% xuống còn 6,9 USD trên một triệu đơn vị nhiệt Anh (mmbtu) vào năm 2030, từ mức 32,3 USD/mmbtu vào năm 2022 khi giá đạt mức kỷ lục.

2.2.2. Thị trường trong nước

Giá gas trong nước có thể sẽ tiếp tục giảm do giá gas thế giới vẫn đang ở mức thấp. Tuy nhiên, khả năng giảm sẽ không quá sâu do nhu cầu tiêu thụ gas trên thế giới vẫn đang tăng.

3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

3.1. Thông tin trong kỳ

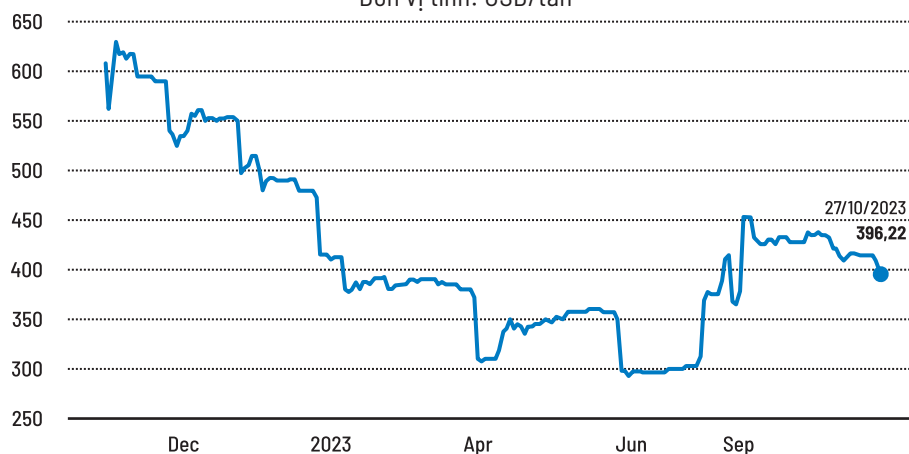
3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Trong tháng 10, giá ure ổn định quanh mức 410 USD/tấn, do giá khí đốt tăng và do Trung Quốc gần đây đã tạm dừng xuất khẩu sản phẩm này trong bối cảnh nhu cầu ure của Ấn Độ tăng cao.

Bên cạnh đó, còn do lo ngại xung đột Israel-Hamas có thể lan sang các nước Trung Đông khác, bao gồm cả Iran, một nhà sản xuất ure lớn.

DIỄN BIẾN GIÁ URE THẾ GIỚI MỘT NĂM QUA

Đơn vị tính: USD/tấn



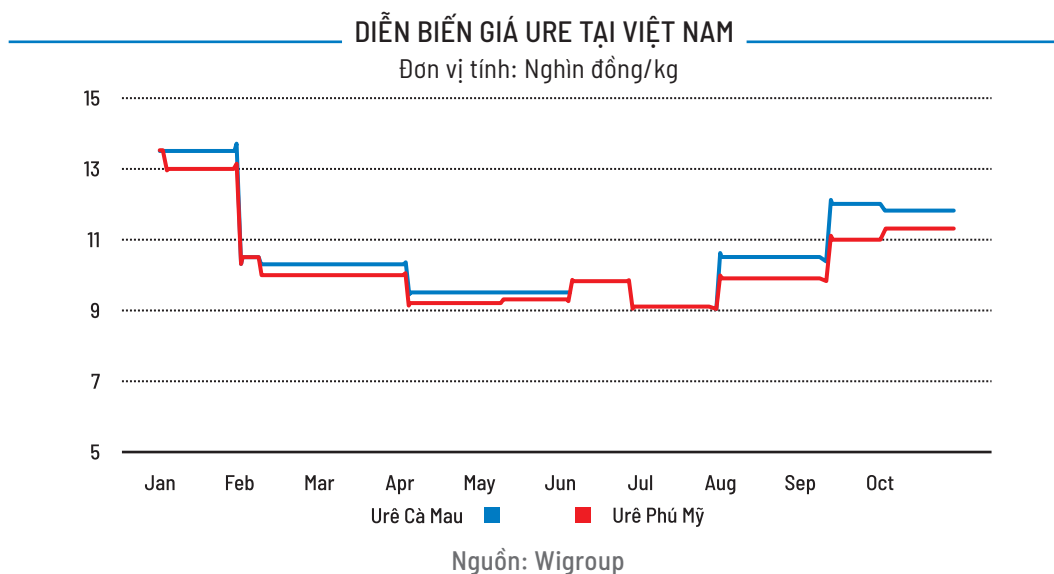
Nguồn: Tradingeconomics

3.1.2. Thị trường trong nước

Trong tháng 10, giá phân ure vẫn tiếp tục tăng theo đà tăng của giá thế giới.

Tại kho trung chuyển Tây Nam Bộ, giá ure Cà Mau 12.200-12.300 đồng/kg, giá ure Phú Mỹ 11.300-11.400 đồng/kg; giá ure Ninh Bình 10.700-10.800 đồng/kg; giá ure Hà Bắc 10.400 đồng/kg.

Đối với phân ure nhập khẩu, phân ure hạt đục Brunei, phân ure hạt đục Indonesia và phân ure hạt đục Malaysia đều giảm khoảng 100 đồng/kg và dao động quanh mức 10.900-11.200 đồng/kg.



3.2. Dự báo

3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Dự báo giá phân bón sẽ tiếp tục tăng trong quý IV, tuy nhiên do nguồn cung trên thế giới không quá căng thẳng nên rất khó để có một sự biến động mạnh về giá.

Theo dự báo của Trading Economics, giá ure dự kiến sẽ giao dịch ở mức 378,25 USD/T vào quý 4/2023.

3.2.2. Thị trường trong nước

Theo quy luật, nhu cầu phân bón trong nước sẽ tăng mạnh vào vụ đông xuân. Mặc dù giá tăng nhưng do chưa phải cao điểm mùa vụ nên thị trường vẫn ổn định. Một số doanh nghiệp đã nhập số lượng lớn hàng từ khi giá chưa tăng nên về ngắn hạn thị trường chưa có áp lực về nguồn cung.

4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

4.1. Thông tin trong kỳ

4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Ngày 17/10, các bộ trưởng năng lượng Liên minh châu Âu (EU) đã đạt được thỏa hiệp tạm thời về cải cách thị trường điện.

Theo đó, chính phủ ấn định giá cho nhà sản xuất điện. Nếu giá thị trường thấp hơn mức giá cố định, chính phủ sẽ bồi thường cho nhà sản xuất. Nếu giá thị trường cao hơn, chính phủ có quyền sử dụng lợi nhuận thặng dư của nhà sản xuất để hỗ trợ các hộ gia đình và doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, ngày 24/10, Ủy ban Châu Âu đã công bố một kế hoạch hành động nhằm duy trì vị trí dẫn đầu của ngành công nghiệp điện gió châu Âu. Kế hoạch này bao gồm các biện pháp tăng cường hỗ trợ tài chính thông qua các cơ quan tín dụng xuất khẩu và Ngân hàng Đầu tư Châu Âu.

Trong tháng 10, tình trạng thiếu điện trầm trọng đã xảy ra tại Ai Cập do các đợt nắng nóng đã thúc đẩy nhu cầu làm mát. Chính phủ Ai Cập đã tăng thời gian cắt điện do nhu cầu tiêu thụ tăng trong bối cảnh nhiệt độ tăng cao và nhập khẩu khí đốt giảm.

4.1.2. Thị trường trong nước

Giá điện sinh hoạt tháng 10 giảm 0,79% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng giảm khi vào mùa mưa, thời tiết mát.

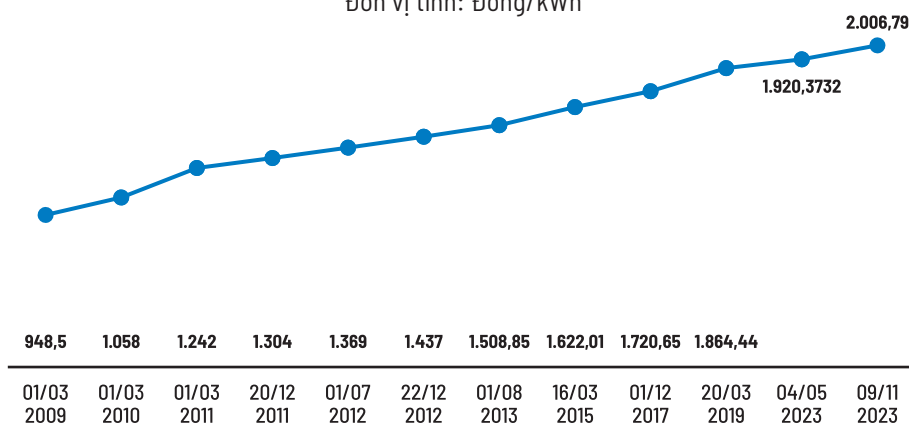
Thông tin từ Cục Điều tiết điện lực (Bộ Công Thương) cho biết, cơ cấu nguồn điện trong hệ thống điện Việt Nam đang có sự thay đổi lớn. Theo đó, công suất đặt nguồn điện toàn hệ thống của ta năm 2023 vào gần 80.000 MW thì tỉ lệ sở hữu của các doanh nghiệp nhà nước vào khoảng 47%, còn lại tư nhân đã chiếm 42%. Cụ thể:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) không còn độc quyền nắm giữ toàn bộ nguồn điện và khâu sản xuất điện như trước năm 2006 mà hiện nay chỉ nắm giữ khoảng 37%, gồm cả trực tiếp và gián tiếp.
- Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) chiếm 2% nguồn phát điện, chủ yếu là nhiệt điện. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) chiếm 8% nguồn phát điện, chủ yếu là điện khí và thủy điện nhỏ.
- Số nguồn điện còn lại thuộc các nhà đầu tư tư nhân chiếm 42% và các dự án BOT chiếm khoảng 10%, nguồn điện nhập khẩu và nguồn khác chiếm khoảng 1%.
- Từ 9/11/2023, giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh lên mức 2.006,79 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng VAT), tăng 4,5% so với giá điện bán lẻ bình quân hiện hành. Trong 15 năm qua, giá điện bình quân đã tăng 12 lần, từ 948,5 đồng/kWh năm 2009 lên 2.006,79 đồng/kWh năm 2023.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 11/2023

TỪ 9/11/2023, GIÁ BÁN LẺ ĐIỆN BÌNH QUÂN
TĂNG THÊM 4,5% LÊN HƠN 2.000 ĐỒNG/KWH

Đơn vị tính: Đồng/kWh



Nguồn: TTXVN

4.2. Dự báo

4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo thế giới phải bổ sung hoặc thay thế 80 triệu km đường dây truyền tải trước năm 2040 để các nước đáp ứng các mục tiêu về khí hậu và đạt được các ưu tiên về an ninh năng lượng.

IEA cho biết, việc tăng quy mô trong việc xây dựng đường dây truyền tải trên toàn cầu sẽ đòi hỏi khoản đầu tư vào lưới điện hơn 600 tỷ USD mỗi năm vào năm 2030, gấp đôi mức đầu tư hiện nay.

4.2.2. Thị trường trong nước

Bộ Công Thương mới đây đã có văn bản trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII lần thứ 3.

Kế hoạch xác định công suất các nguồn năng lượng tái tạo đến cấp tỉnh, vùng phù hợp với cơ cấu nguồn điện đến năm 2030 tại Quy hoạch điện VIII, bao gồm 21.880 MW điện gió trên bờ (điện gió trên đất liền và gần bờ); 6.000 MW điện gió ngoài khơi; tăng thêm 2.600 MW điện mặt trời mái nhà tự sản tự tiêu; 2.270 MW điện sinh khối, điện sản xuất từ rác; 29.346 MW thủy điện nhỏ.

- Đối với các nguồn điện linh hoạt, kế hoạch dự kiến phát triển 300 MW đến năm 2030. Ưu tiên phát triển tại các khu vực có khả năng thiếu hụt công suất dự phòng; tận dụng hạ tầng lưới điện sẵn có.
- Đối với nhập khẩu điện, giai đoạn tới năm 2030, dự kiến nhập khẩu khoảng 5.000 MW từ Lào, có thể tăng lên 8.000 MW khi có điều kiện thuận lợi với giá điện hợp lý để tận dụng tiềm năng nguồn điện xuất khẩu của Lào.

- *Đối với nguồn điện từ năng lượng tái tạo phục vụ xuất khẩu, sản xuất năng lượng mới, những vị trí có tiềm năng xuất khẩu điện ra nước ngoài là khu vực miền Trung và miền Nam. Quy mô xuất khẩu 5.000 - 10.000 MW năm 2030 khi có các dự án khả thi.*

EVN dự báo thị trường điện sẽ rơi lỏng hơn vào năm 2024 khi khả năng thiếu điện ở miền Bắc vào mùa khô năm 2024 là 420 - 1.770 MW, gần bằng 1/3 lượng điện thiếu hụt ước tính trong nửa đầu năm 2023.

Tình hình biến động vĩ mô từ thị trường tài chính, dầu khí và các sản phẩm dầu, phân bón do tác động của thị trường tài chính thế giới, biến động của tỷ giá, giá vàng... đã ảnh hưởng rất lớn tới đầu tư cho lĩnh vực dầu khí, năng lượng.



PHẦN IV

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ



Để ứng phó với thách thức nói trên PVN cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

- *Chủ động bám sát diễn biến thị trường, giám sát chặt biến động về giá dầu, giá khí và giá phân bón để có các giải pháp quản trị, điều hành linh hoạt.*
- *Thúc đẩy công tác tiêu thụ các sản phẩm dầu khí bảo đảm hàng tồn kho hợp lý; giữ vững thị phần hiện hữu và tận dụng cơ hội để mở rộng thị phần chiếm lĩnh thị trường.*
- *Tiến hành rà soát, thúc đẩy tiến độ triển khai các chương trình nghiên cứu khoa học, thống nhất các kế hoạch để triển khai thực hiện, bảo đảm đúng tiến độ, yêu cầu.*
- *Tận dụng hiệu quả hạ tầng, hệ thống kinh doanh sẵn có của các đơn vị, chia sẻ thông tin, liên kết giữa các đơn vị trong toàn Tập đoàn để mở rộng thị phần kinh doanh các sản phẩm chủ lực của Tập đoàn.*
- *Tăng cường quản lý tài chính, kiểm soát chặt chẽ dòng tiền của Tập đoàn để bảo đảm nguồn lực phục vụ hoạt động SXKD và đầu tư; lành mạnh hóa tài chính; tập trung thu hồi công nợ để bảo đảm cân đối dòng tiền hoạt động.*
- *Về giải pháp đầu tư, cần tập trung triển khai thực hiện các dự án trọng điểm nhà nước về dầu khí: Chuỗi dự án Lô B, các dự án trong lĩnh vực E&P...; phấn đấu đưa các dự án phát triển như: BK-22 vào khai thác; công trình BK-4A sớm hơn so với kế hoạch.*

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 11/2023

PHỤ LỤC I

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 10 NĂM 2023

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 10 2023	10 tháng đầu năm 2023	Tỷ lệ so sánh (%)			
					A	B	C	D
1	Tăng trưởng GDP		n/a	n/a				
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a		105,5	104,1	100,5	
3	Hoạt động của doanh nghiệp							
3.1	Thành lập mới	DN	15.400	183.600	121,7	118,5	102,9	
3.2	Quay lại hoạt động	DN	5.600		96,9	144,2		
3.3	Rút lui khỏi thị trường	DN		146.600			120	
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	5.501		133,4	135,6		
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	4.898		92,9	116,6		
	- Hoàn tất giải thể	DN	1.501		104,2	93,7		
4	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội	Nghìn tỷ						
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ	65,7	479,3		120,7	122,6	
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD		25,76			114,7	
4.3	Vốn FDI thực hiện	Triệu USD		18			102,4	
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Nghìn tỷ	536,3	5.105,4	101,5	107	109,4	
6	Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa	Tỷ USD	61,62	557,95	104,1	105,6	90,4	
6.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	32,31	291,28	105,3	105,9	92,9	
6.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	29,31	266,67	102,9	105,2	87,7	
6.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Xuất siêu 3	Xuất siêu 24,61				
7	Chỉ số giá							
7.1	Chỉ số giá tiêu dùng				100,08	103,59	103,2	103,2
7.2	Chỉ số giá vàng				100,92	108,28	102,81	105,87
7.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ				101,2	101,79	102,24	101,56
7.4	Lạm phát cơ bản				100,09	103,43	104,38	

A: Tháng 10/2023 so với tháng trước

B: Tháng 10/2023 so với tháng 10/2022

C: 10 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm 2022

D: Tháng 10/2023 so với tháng 12/2022



Ảnh bìa: Trong tháng 10,
sản xuất công nghiệp tăng
nhưng thương mại toàn cầu lại giảm.

 Pexels / Frans van Heerden



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH
phối hợp thực hiện